

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Cù Thị Như Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T (S);

Trụ sở chính: Số 266-268, đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Duy H - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng T- Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch thị trấn Đ; địa chỉ Số 40, đường T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B; nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 6, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình B:

Ngày 12/03/2015, ông Nguyễn Văn B được Ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Nông – PGD Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) cấp thẻ tín dụng với số tiền là: 18.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 10/10/2020 là 14.315.065 đồng (*Bằng*

chữ: Mười bốn triệu ba trăm mười lăm ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó, nợ gốc: 7.460.455 đồng và lãi quá hạn: 6.854.610 đồng.

Trong quá trình vay vốn, tính từ thời điểm ngày 05/08/2018 đến nay, ông Nguyễn Văn B vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng.

Ngày 25/03/2015, ông Nguyễn Văn B có vay vốn tại Ngân hàng S, theo hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 chi tiết như sau: Số tiền vay 80.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng (phân kỳ trả nợ: 48 kỳ, mỗi kỳ trả 2.386.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 25/03/2019); Thời điểm trả hết nợ: 25/03/2019. Dư nợ đến ngày 10/10/2020 là: 21.643.597 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm chín mươi bảy đồng*) trong đó, nợ gốc: 11.694.000 đồng và nợ lãi: 9.949.597 đồng. Trong quá trình vay vốn, tính từ thời điểm ngày 28/09/2018 đến nay, Ông Nguyễn Văn B vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/03/2015 đã ký kết, ông Nguyễn Văn B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Qua nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn B vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình vi phạm các điều khoản hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết.

Vì vậy Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải thanh toán nợ gốc và lãi như sau:

Tính đến thời điểm 10/10/2020, ông Nguyễn Văn B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 35.958.662 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng*). Trong đó, nợ vay tiêu dùng vốn gốc là: 11.694.000 đồng, nợ lãi là: 9.949.597 đồng. Nợ thẻ tín dụng vốn gốc là: 7.460.455 đồng, nợ lãi là: 6.854.610 đồng. Số tiền trên chưa tính lãi và các chi phí phát sinh khác sau ngày 10/10/2020 đến khi xét xử vụ án.

Về phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B không có mặt tại nơi đã ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng và cũng không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Nguyễn Văn B không có mặt để làm việc nên không có lời khai lưu tại hồ sơ.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 63 của Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:
Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/03/2015 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay không biết ở đâu. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ Điều 179, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B:

[2.1] Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/03/2015 đã ký kết giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Nông – PGD Đ với ông Nguyễn Văn B là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình thực hiện cam kết ông Nguyễn Văn B đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay kể từ ngày 05/08/2018 cho Ngân hàng S. Kể từ ngày 05/08/2018 ông Nguyễn Văn B không trả được khoản nợ gốc và lãi nào nên có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/03/2015.

[2.2] Tại hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 được ký kết giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Nông – PGD Đ với ông Nguyễn Văn B nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình thực hiện cam kết ông Nguyễn Văn B đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay từ ngày 28/09/2018 cho Ngân hàng S. Tính từ thời điểm ngày 28/09/2018 đến nay ông Nguyễn Văn B không trả được khoản nợ gốc và lãi nào nên có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn B

đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 mà hai bên đã ký kết.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc khởi kiện nhưng bị đơn vắng mặt, không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng S nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/4/2021 với tổng số tiền là 39.001.666 đồng, trong đó: Nợ gốc là 19.154.455 đồng; Nợ lãi là 19.847.211 đồng; (Theo hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 số tiền còn nợ là 23.006.595 đồng, trong đó: Nợ gốc là 11.694.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.962.018 đồng, lãi vượt hạn là 3.350.577 đồng; Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/03/2015 số tiền còn nợ là 16.003.071 đồng, trong đó: Nợ gốc là 7.460.455 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.542.616 đồng).

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án tương đương với số tiền mà tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 39.001.666 đồng x 5% = 1.950.000 đồng. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.038.500 đồng. Buộc bị đơn phải chịu. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.038.500 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 342, Điều 355, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng T nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/4/2021 với tổng số tiền là 39.001.666 đ (*ba mươi chín triệu, không trăm lẻ một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), trong đó: Nợ gốc là 19.154.455đ (*mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng*); Nợ lãi là 19.847.211đ (*mười chín triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm mười một đồng*).

Kể từ ngày 10/4/2021, ông Nguyễn Văn B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/03/2015 và Hợp đồng tín dụng số LD 1508400457 ngày 25/03/2015 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu 1.950.000đ (*một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Nông – PGD Đ 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà Đoàn Trường S đã nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002379 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu và phải trả lại cho nguyên đơn chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.038.500 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên đóng dấu)

Nguyễn Thị Yến